

BẢN LUẬN QUYỂN 65

Thứ tám của đoạn lớn, là địa Quyết trạch Tư tuệ, có văn của hai quyển. Đầu tiên là kết trước, sinh sau. Kế là, chánh quyết trạch; sau là kết giải thích không hiện.

Y theo chánh quyết trạch, trước dùng năm môn tạp Quyết trạch. Kế là dùng hai mươi chín môn để phân biệt.

Trong phần trước. 1/ Nói về bốn thứ nghĩ bàn, có chẳng có nghĩ bàn, như Bản địa phần đã nói. Nghĩa là hữu vi, vô vi, gọi là “hữu”. Không có ngã, ngã sở, gọi là “phi hữu”.

Nhân, quả nghĩ bàn, như địa Tâm, Từ, nghĩa là nhờ nghĩ lường mười nhân, năm quả.

2- Nói về hai thứ nghĩ bàn (tư duy bàn luận) tư duy xấu ác, nghĩ bàn, như bản địa phần nói, nghĩa là so lường sự việc, tư duy xấu ác của tác ý phi lý. Nếu dựa vào phẩm “hắc”, cho đến mới khởi sự tư duy, bàn luận, thì không nên nghĩ bàn về ngã, hữu tình v.v....

3- Nói về “hữu” “phi hữu”, trong đó trước nêu kinh làm câu hỏi, sau đối với câu hỏi để nói, chia làm ba:

a- Chánh nói về tướng “hữu” “phi hữu”.

b- Phá ngã.

c- Kết, chỉ bày chánh nghĩa.

Trong phần đầu, trước nói tướng “hữu”; sau, nói giả, thật.

Ban đầu nói rằng: “1- Nếu sinh, đã sinh, vì hiện tại, nên biết là “có””. Pháp sư Cảnh nói: “Vì phân biệt quá khứ, vị lai là “không” để giải thích:

Nếu sinh, là tướng sinh; Đã sinh: tức tướng trụ, Dị; ở đây, y cứ vào hiện tại để nói về ba tướng, cho nên là “có”.

2- Nếu vì vật thật, vì sự, vì nghĩa v.v... Pháp sư Cảnh cho rằng: “Nói “nói xấu vì vật thật”, nghĩa là nói chung hai tánh y tha, viên thành là thật có.

Nói sự: Đây là nói sắc v.v... từ sự duyên sinh. Nói vì nghĩa: Đây là nói viên thành “có”. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Có chỗ giải thích:

1. Nhân chứng Y tha ở đây.

2. Nhân chứng viên thành là “có”. Vì những lý do này, nên gọi là danh nghĩa riêng của chân như, không còn gọi là riêng nữa.”

Lại giải thích: “Ba chữ “vì” này cũng chứng minh Y tha: Vì vật thật, nên phân biệt với sự tợ pháp nên thuộc về sự thể và vì nghĩa nên nghĩa khác nhau đều là Y tha khởi.

Kế là, nói về thật có, nói là nếu các pháp không đối đãi với cái khác là tướng thật có v.v... Pháp sư Cảnh nói: “Như pháp thật thể của sắc, hương v.v..., không còn đối đãi (chờ đợi) với pháp khác, mới bắt đầu đặt ra danh từ sắc, hương v.v.... Sắc, hương này là có thật. Nếu có pháp nào phải đối đãi với cái khác, nương tựa cái khác, mới đặt ra tự tướng, nên biết là giả có, như bình, chậu v.v..., đối đãi với sắc khác v.v..., nương tựa vào sắc khác v.v..., mới đặt tên bình, nên là giả có. “Như đối với sắc v.v... v.v... cho đến “Như thế, tức đối với sự tướng sắc v.v... giả lập sắc v.v...”, như Độc đầu ý thức tìm kiếm tên của sắc v.v... mà lấy sắc. Sắc như thế v.v..., ở đây gọi là thật giả từ nhân duyên sinh, gọi là pháp thật. Do nhờ tên sắc, mới sinh tri giác về sắc lại gọi là giả.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đối đãi, không đối đãi với pháp khác, gọi là giả, thật v.v..., như Đối Pháp quyển ba nói: “Đầu tiên như tức đối với sắc v.v... làm nương tựa, vì đối đãi với ngã v.v... là giả, cũng đối đãi vào uẩn như sắc v.v..., gọi là uẩn như sắc v.v... cũng là giả có, vì đối đãi với sắc v.v... khác mà thành uẩn.”

Hỏi: “Trong nhân thành đạo lý ” trở xuống, kế là, phá chấp ngã, trước nói đại khái, sau nói rộng. Hỏi, đáp trong đơn giản thì khó thông suốt?”

“Nếu nói trong, ngoài, khoảng giữa, nếu lìa các uẩn, thì sẽ không thể được” ấy, là ông đã chấp ngã trong sáu thức, mười tám giới: Căn trong, trần ngoài, khoảng giữa, mỗi chỗ tìm kiếm “ngã” không thể được.’

Lại, giải thích: “Tự nối tiếp nhau, gọi là trong: nối tiếp nhau của người khác và khí thể giới bên ngoài, gọi là ngoài; chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, gọi là khoảng giữa, nên lập lượng rằng:

“Ngã ông lập, quyết định là không.

Vì không thật có.

Như hoa đốm trong hư không v.v....”

Nói là “như nhãn v.v... cho đến “đều không thể thấy”, nghĩa là như nhãn v.v... thật có, nghiệp dụng chấp ngã đều không thể thấy. Lập lượng rằng:

“Ngã ông chấp, thể, dụng đều là không.

Vì không thể thấy.

Giống như sừng thỏ.”

“Làm sao biết được ngã v.v... trở xuống, phá rộng, trong đó, trước hỏi, sau đáp. Trong đáp, đầu tiên, nêu bốn thứ chấp ngã đều cho là sai trái.

“Vì sao v.v... ? trở xuống, là phá riêng bốn chấp.

Trong phần đầu, nói “Rất xa bờ kia không ngoài bốn thứ: Pháp sư Thái nói: cho đến rất xa bờ kia, không ngoài chỉ có bốn thứ này: một là ngay nơi uẩn mà chấp là Ngã, hai là khác uẩn là Ngã, ngã trụ trong uẩn. Ba là đều chẳng phải hai thứ trước, chẳng phải tức các uẩn mà khác các uẩn: không đồng với chấp đầu. Chẳng phải tức các uẩn: chính là chẳng phải chấp đầu. Mà khác các uẩn: là lập tông. Chẳng phải trụ trong uẩn, nghĩa là chẳng phải chấp thứ hai, mà trụ trong pháp “khác” với uẩn, “lìa” uẩn, là lập Tông, nghĩa là trụ trong vô vi, là pháp lìa uẩn.

Theo giải thích của Luận Thành Thật, cái giả kia, nghĩa là chẳng phải năm uẩn thật, gọi là pháp lìa uẩn, như các luận kia, kinh La Địa đã nói. Chấp ngã thứ tư không đồng với ba chấp trước. Đầu tiên là nói không đồng với ba chấp ở trước.

Kế là, nói “Mà không có uẩn, tất cả pháp uẩn đều không tương ưng”, là lập Tông.”

(Hỏi: “Chấp thứ nhất trong bốn chấp là “tức” uẩn; ba chấp sau, là “khác” uẩn, chỉ là hai câu đầu. Chấp thứ ba vừa một, “vừa khác.

Chấp thứ tư “chẳng phải một”, chẳng phải khác, đâu có thuộc ư? “tức” là khác với trước; “chẳng phải khác” tức là một chấp trước, nên không khác với chấp trước sau.”

Luận sư Trắc nói: “Ba chấp ngã sau đều là chấp “khác” với uẩn, cho nên, luận Duy thức nói: “Là thuộc chấp “lìa uẩn” thứ hai trong ba chấp ngã.

Bốn chấp của luận này hẹp, chỉ thuộc về ngoại đạo; ba chấp của luận kia rộng, vì cũng bao gồm Tiểu thừa. Lại giải thích: chấp thứ ba của luận kia thuộc về chấp thứ hai của luận này, cả hai luận không có rộng, hẹp.”

Pháp sư Khuy Cơ cho rằng: “Nói là chấp xa lìa không ngoài bốn chấp này, chấp sau chẳng phải chấp trước. Mỗi chấp đều khác nhau, xét ra chẳng phải chấp trước, rất dễ hiểu.

Vì bốn trường hợp phân biệt tương tận, nên y cứ vào phá riêng tức là bốn đoạn:

1- Phá “tức” uẩn chấp “ngã”, văn rõ ràng rất dễ hiểu, chỉ lập lượng rằng:

“Ngã ông chấp “chẳng phải một”, “chẳng phải thường”, vì không lìa uẩn, giống như “uẩn”.

Kế là, phá chấp thứ hai:

Nói: “Nếu vô thường, tức chấp ngã sát-na, sát-na khởi khác, diệt

khác. Nghĩa là “ngã” lìa uẩn, nếu là vô thường, thì mỗi niệm diệt.

Chỗ này tử khác, nơi kia sinh khác, nghĩa là nếu “ngã” vô thường, thì “ngã” sẽ chết trong loài người, “ngã” sinh lên cõi trời. Làm khác, thọ khác: Đây là đối tượng chấp ngã. Nếu mỗi niệm vô thường, tức “ngã” của thân này có thể tạo nghiệp mà không cảm thọ quả báo. “Ngã” của thân khác thọ quả, báo kia mà không tạo nghiệp. Nên lập lượng rằng:

“Ngã” mà ông chấp, làm khác, thọ khác.

Vì là vô thường

Như Đê-Ba-Điền, hoặc làm khác, thọ khác.

Lại, các uẩn khác có một ngã riêng có sinh, có diệt, đều không thật có, dùng lý để trách cứ thẳng, nên lập lượng rằng:

“Ông chấp ngoài uẩn, có một ngã riêng, nhất định không có tự thể. Vì không thật có. Như hoa đốm trong hư không.”

Nếu “ngã” là thường v.v... đến không hợp lý”, nghĩa là nêu chung hai nhân, nhằm quở sự không thay đổi của hai nhân ấy.

Dưới đây sẽ nêu ra hai nhân chẳng phải ở đương lai, cũng chẳng phải pháp hiện tại.

Nếu ở đương lai “ngã” không thay đổi, thì lẽ ra sẽ không có sống, già, bệnh, chết và trôi lăn trong năm đường. Vì sao trong tông chỉ của ngoại đạo các ông, thường tự nói: “rằng “ngã” ở vị lai sẽ cảm thọ sinh tử, luân hồi trong năm đường?” Ở đối với pháp hiện tại, nếu “ngã” không thay đổi thì lẽ ra đối với mỗi thứ cảnh giới ái, phi ái kia, sẽ không có khổ, niềm vui, và các thứ phiền não tham, giận v.v..., sao trong hiện tại, lại gặp phải các duyên trái, thuận v.v... ?

Nói là “ngã” thọ khổ, đôi khi cảm thọ vui, sinh, tham, giận v.v..., đã là duyên thay đổi, làm sao là thường? Nên lập lượng rằng:

“Ngã” mà ông lập, nhất định chẳng phải thường.

Vì hai duyên thay đổi.

Như sữa thành lạc.

“Như thế, “ngã” đối với pháp đương lai, hiện tại” trở xuống, nhắc lại cả hai “duyên”, để nói về “ngã” có thay đổi.

Dưới đây là phá chấp thứ ba:

“Pháp đã chấp kia cho đến “huống chi là an trụ ngã sở, nghĩa là pháp lìa các uẩn còn không có, làm sao chấp pháp an trụ của “ngã”? Như nói: “Con của cô gái bắt dục trên đầu có đội tràng hoa đốm trong hư không? Sự giả dối là chất chồng lên cái giả, nên lập lượng rằng:

“Ông lập “ngã” lìa uẩn, quyết định là không vì không có pháp nào được trụ lìa uẩn. Như tràng hoa đốm hư không đội trên đầu đứa con

của cô gái bất dục!

Dưới đây là phá chấp thứ tư:

(Nếu không có uẩn thì sẽ không có sắc, chẳng phải tương ứng với thân, uẩn giả mà ông chấp không tương ứng, làm thân thọ của ngã, tức lẽ ra không có sắc, cũng chẳng phải khổ, vui v.v... thì lẽ ra không có thọ. Cũng chẳng phải số nhiều, lẽ ra cũng không có tướng. Cũng chẳng phải thiện v.v..., tức lẽ ra không có hành. Cũng chẳng phải ý phân biệt thọ dụng cảnh giới sắc v.v..., tức là lẽ ra không có thức. Nếu như thế, thì nghĩa này đáng lý ra là không có sắc, thọ, tướng, thức đã nương tựa. Nếu các pháp này không do công dụng, tự nhiên giải thoát!?)

Dưới đây, kế là, kết thứ ba, chỉ bày nghĩa đúng:

“Lại nữa v.v... cho đến “chẳng phải vật thật có, tổng kết “ngã” chẳng thật. Dưới đây là chỉ bày nghĩa đúng.

(Do “ngã” chẳng thật có, vì chỉ có uẩn, nên tất cả đạo lý nhiễm, tịnh đều thành tự. Đây là chia ra hai môn nhiễm, tịnh.

“Được thành v.v... ” trở xuống, là giải thích riêng về hai môn trước nhiễm, sau tịnh.

Thứ tư, là nói về giả lập hữu tình, trong đó chia làm hai:

1- Dùng ba duyên để lập chín hữu tình, cách hành văn rất dễ hiểu.

2- Phá chấp của ngoại đạo, được chia làm ba: Trước, nêu chấp ngoài. Kế là, phá, sau kết Phương Tây có ngoại đạo lửa thể không mặc y phục, để bày tỏ vì lìa ràng buộc, nên gọi là ly hệ. Ngoại đạo kia chấp cỏ, cây có mạng, do tăng trưởng, nên trong phần phá được chia làm ba:

1- Y cứ ở nhân tăng trưởng, để có phá mạng.

2- Y cứ vào thuyết nói nhân “có” “không” để phá.

3- Y cứ vào yếu tố giống nhau, không giống nhau để phá.

Trong phần đầu hỏi: “Sự tăng trưởng là do mạng làm nhân, hay là có nhân riêng?(Nếu mạng làm nhân, thì khi chưa xả mạng đến nay, vì sao có lúc vẫn không tăng trưởng, như trời nắng hạn v.v....

E rằng biết không có mạng, nếu mạng có là thường, thì sẽ ra khỏi tăng trưởng. Nếu còn có nhân tăng trưởng khác, nghĩa là tự tại vì nhân riêng nên được tăng trưởng, thì đâu cần phải lập mạng?

Thứ hai, là y cứ trong thuyết nói về nhân. Luận sư Cảnh nói: “Ngoại đạo lại lập các cây cỏ này chỉ khi có mạng, nhất định tăng trưởng. Về sau, lúc không có mạng, thì sẽ không tăng trưởng, nên lại phá rằng:

(“Các vật không có mạng, không có tăng trưởng là vì có nói nhân, hay không nói nhân? Vì có nhân duyên của tỷ lượng nên nói là vật không có mạng, không có tăng trưởng ư? Hay vì không nói có nhân ư?(Nếu nói có nhân, thì vì nhân duyên của thuyết này không thật có, nên không có đồng pháp dụ. Như nói: “Tất cả các vật ngại không có mạng, đều không tăng trưởng, vì không có mạng kia làm nhân của sinh, không có đồng pháp dụ, nên nói: “Vì nhân duyên của pháp này không thật có. Nếu không nói nhân, không có nhân, mà tất nhiên là như vậy thì không hợp với đạo lý. Nghĩa là lập tỷ lượng không thành, mà nói là vật không có mạng, không tăng trưởng, nhất định đều như thế, là không hợp lý.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nói nhân, nghĩa là nói nhân, nói lý do, tức nói là người ngoài nói: “Vì nói là có lý do, nên không tăng trưởng hay vì không có lý do, nên không tăng trưởng? Tức là thành lập lý do nhân của Tông.

Trong đây là tỷ lượng, suy nghĩ sẽ hiểu.

Thứ ba, là y cứ trong yếu tố giống nhau, không giống nhau, trước quyết định, sau vấn nạn, cách hành văn rất dễ hiểu.

Dưới đây, trong phần nêu kết, theo thứ lớp, nêu ba đoạn trên, để kết luận chung không có lý.

Thứ năm, là nói về sự giả của sắc, v.v..., thật, trong đó, trước nói về tướng giả, thật của bốn trần như uống, ăn v.v.... Sau, là nói về phẩm loại khác nhau của giả có.

Trong phần trước, vì là pháp thật không biến đổi cho nên giải thích pháp giả có thay đổi, không chung với nhau, v.v... kể nói rằng: y theo các hữu pháp lập vật tướng, v.v... Bốn trần như sắc, v.v... là thật pháp, có khả năng làm thành các pháp giải như bình, v.v... gọi là Hữu pháp. Y theo hữu pháp này lập ra vật có tướng giả, chẳng phải một chẳng phải nhiều, nói lược có hai: một là y chỉ một nhóm, hai là chỉ chẳng phải một nhóm, chia làm hai môn, nói thức ăn uống khác nhau cho đến “gọi là nương tựa một nhóm: Như bánh, cơm v.v... chỉ là một vật bằng bột, gạo. Xe cộ cũng chỉ là một vật bằng gỗ, rừng; áo là vật bằng gai, vải, gọi là dựa vào một nhóm.

Nói: “Các nghiệp dụng bức họa sắc sỡ v.v... cho đến “gọi là nương tựa chẳng phải một nhóm, nghĩa là bức họa sáng rỡ là do dùng lẫn lộn các màu, màu sắc xanh, vàng, tía, lục v.v... cho đến bốn binh gọi là quân. Tụ hoa, quả xen lẫn cây, trúc, gỗ v.v... gọi là rừng, được gọi là chẳng phải dựa vào một nhóm.

Dưới đây là thứ hai, dùng hai mươi chín môn nhằm quyết định các nghĩa. Trước giải thích riêng, sau là tổng kết.

Trong phần trước có hai mươi bảy đoạn:

1. Giải thích pháp có sắc, không có sắc. Trước, là phân tích đúng có sắc, không có sắc; sau, tùy theo vấn nạn, mà giải thích lại.

Trong phần trước, trước, là nói về năm tướng có sắc khác nhau. Sau, làm rõ ngược lại, không có sắc cũng do năm tướng khác nhau mà kiến lập.

Trong phần trước, trước là hỏi, sau, là giải thích. Trong phần giải thích có hai:

1- Nêu chung có sắc, liệt kê năm tướng của sắc đó.

2- Giải thích riêng năm tướng.

Trong phần trước nói: “Do các sắc kia có đủ tự tướng của sắc, tức dùng việc này trở lại nói về sự này v.v..., nghĩa là vì sắc lại là tướng có sắc, nên gọi là có sắc. Luận Đối Pháp chép: “Vì tánh có sắc, nên gọi là pháp có sắc. Nay nói rằng: “Tự tướng có lý do gì?”

(Giải thích: Tướng là thể tướng. Thể cũng gọi là tánh, nên không trái nhau. Y cứ trong giải thích riêng năm tướng, về môn của sự đầu, rất dễ hiểu.

Tự tướng của sắc có ba:

a. Sắc thanh tịnh, là năm căn.

b. Sắc bị chấp là năm trần.

c. Sắc bị ý chấp lấy, nghĩa là sắc trong pháp xứ (lĩnh vực pháp)

Bỏ giả, nói thật, chỉ nói cảnh định.

3- Giải thích về tướng chung (cộng tướng) có ba: Cái gọi là năm căn, năm trần, là vì có đối. Vì y cứ phương hướng nơi chốn, nên gọi là cộng tướng đầu tiên, tức đối với giải thích về sắc cũng gọi là y cứ vào nghĩa của xứ tướng để giải thích sắc. Lại, tức thể của mười xứ ở trước là đối ngại. Vì có tăng, giảm, nên giải thích về sắc, gọi là tướng chung của sắc là thứ hai. Lại, tức tất cả sắc này đều bị xúc xúc chạm, tức là đổi thay hư hoại. Hoặc hư hoại tay chân v.v..., hoặc hư hoại lạnh nóng v.v.... Đây là thứ ba, giải thích về sắc đổi thay hư hoại, gọi là tướng chung của sắc.

4- Giải thích về môn giới (cõi).

Nói: “Lại, ở trước nói v.v... đến “Trừ Thiên biến của cõi Dục, còn thì tất cả, nghĩa là y cứ trực tiếp trong cõi Dục, trừ sáu Thiên biến, ngoài ra là các đường.

Nói: “Trong các tầng trời cõi Dục, chỉ có tay, chân v.v... bị thay

đổi, hư hoại bởi đùng chạm, không có bị đổi thay hư hoại bởi gặp phải thời tiết lạnh, nóng v.v..., nghĩa là trong trời kia, chỉ có A-Tổ-Lạc (A-Tu-La) hữu vi. Tay chân bị biến đổi hư hoại khi xúc chạm dao, gậy. Các sắc của cõi Sắc không có tay, chân bị tổn hại v.v..., vì cõi Sắc, không có thay đổi, hư hoại. Giải thích về sắc, chỉ có y cứ vào nghĩa phương hưởng, nơi chốn có nghĩa thêm bớt.

5- Giải thích về nghiệp rất dễ hiểu. (Tùy theo trong vấn nạn, giải thích lại pháp sư Cảnh, Bồ Khuyết rằng: “Nói tụ đại chủng bất cộng, nghĩa là ở trong đây, chỉ có một loại đại chủng có thể được, như ở chỗ núi rừng chỉ một đại địa, các chỗ sông biển chỉ một thủy đại, như sức nóng của ánh sáng mặt trời chỉ một hỏa đại. Như gió trong không gian, chỉ một phong đại, không còn có đại khác, gọi là không chung. Tùy có bất cứ một đại nào khắp với sắc của thể sở tạo nhập vào nhau.

“Chẳng phải tu đại chủng không chung cho đến “hoặc nhiều chủng loại đại chủng có thể được, nghĩa là tùy vật thể gian đủ đại nhiều ít, đồng một nơi chốn với sắc tạo, thể chúng cùng khắp, nhập nhau mà không có tăng, giảm, chỉ hai thể trong đồng loại ngăn ngại nhau, không được nhiếp nhập nhau. Như hai địa đại. Hai sắc, hương v.v... cũng thế. Lại, ở trong nhóm đại chủng không chung cho đến “không có một chỗ nào mà sắc của các đại chủng không lìa nhau, nghĩa là trong đây, phải biết rằng. Đại chủng không chung: chỉ nói về đại chủng, không nói về sắc tạo. Trong tụ đại chủng không chung, vả như nhóm gỗ, đá chỉ một đại địa thật, thì không có việc đó. Giả sử chỉ có một vi khởi, tức chẳng thuộc ba thứ không lìa nhau. Nếu có hai vi trở lên, nhiều vi trụ lẫn lộn, tức là lìa nhau, không lìa nhau, vì hai đại địa không nạp thọ nhau, không có nghĩa đồng một chỗ không lìa nhau. Hai đại địa vi đồng thời vi khít khao khó phân tích, không đồng với nhóm lúa, đậu v.v..., nên chẳng phải thuộc về hòa hợp không lìa nhau.

Đối với cực vi của đại chủng không chung, như sắc sở tạo và đại chủng khác, phải biết rằng, cũng có đồng một nơi chốn không lìa nhau, nghĩa là như tay con người có đủ bốn đại: Cứng, chắc là đất, thấm nhuận là nước; ấm áp là lửa; lay động là gió. Bốn đại chủng này tạo chung một tay. Việc làm là đồng thể, dung nạp nhau, thuộc nơi chốn không lìa nhau cho nên đây là thuộc về đồng xứ, không lìa nhau. Tướng ấy chưa được sáng suốt, là nêu dụ để làm rõ: Tướng mạo của bốn đại cùng khắp giống như cái gì? Nên nói rằng: “Như sắc sở tạo, thể khắp với đại chủng khác nhiếp thọ nhau. Bốn đại khắp nhau, nghĩa ấy cũng thế. Phải biết rằng, cũng có đồng xứ không lìa nhau: Kế là, hàng phục vấn nạn, nạn

rằng: “Thể của đại tạo khắp nhau có, lẽ ra có “năng tạo” và “sở tạo”.

(Vì giải thích mỗi nghi ngờ này, nên nói: “Nhưng đại chủng kia chẳng phải sắc sở tạo, vì không nương tựa nhau mà vẫn được chuyển, nên đều có công năng, vì y cứ vào nơi chốn riêng. Giải thích rằng: “Nếu là sắc tạo, thì cần phải dựa vào đại chủng, mới bắt đầu được khởi. Không có công năng riêng khởi, y cứ vào nơi chốn. Vì nơi chốn dung hợp nhau với đại chủng, nên là sở tạo, còn bốn đại thì không như thế, không nương tựa lẫn nhau mà có thể tự chuyển, đều có công năng khởi, y cứ vào nơi chốn. Dù thể dung nạp nhau, nhưng kia đây đối nhau chẳng phải “năng tạo”, “sở tạo”.

Lại, Một xứ không lia nhau v.v... trở xuống, là nói lại ba thứ tướng không lia nhau.”

Pháp sư Thái nói: “Như Cự vi trong một nhóm đại chủng của địa không chung trở lên, đại chủng của các địa hòa hợp liên kết nhau, phải biết rằng, phương hướng có sắc đại chủng của các địa xen lẫn nhau, không lia nhau, nhưng vì đại địa không tự dung nạp đại địa, nên không có một chỗ, sắc đại chủng của các địa không lia nhau, vì đại địa không nhân đại địa mà tạo ra các sắc, vì không có công dụng, nên không tự dung nạp. Cự vi đại chủng ở trong nhóm đại chủng không chung, như lượng của sắc sở tạo, lại nhiếp nhập nhau, đồng một nơi chốn, như đại chủng của đất, đồng một sắc tạo với đại chủng nước, lửa v.v... khác. Phải biết rằng, cũng có đồng một nơi chốn không lia nhau, nghĩa là nếu đại đối với nhau tạo sắc riêng, tức lia nhau. Đại chủng kia đồng một nơi chốn không lia nhau, chẳng phải sắc sở tạo, vì không nương tựa lẫn nhau mà được chuyển. Nếu nói đều có công năng y cứ vào nơi chốn riêng, vì phân biệt được chuyển, nên biết đồng xứ không nương tựa lẫn nhau.”

Nói: “Lại, một xứ không lia nhau cho đến “không lia nhau”, nghĩa là như ánh sáng của viên ngọc xanh, vàng, đỏ, trắng, thể của các thứ ánh sáng đều riêng, nhưng lại quan hệ nhau, vào khắp dung lượng của rương không lia nhau. Các đại chủng và thể của sắc sở tạo, siêng đồng với lượng, lại liên quan nhau, cũng giống như thế. Các đại còn lại đồng tạo cũng giống như thế. Nói rằng nếu có nhóm cho đến nên biết các chỗ còn lại là tướng của một nhóm. Mè đậu v.v... là các thứ keo, v.v... thuộc về một nhóm đây chẳng phải pháp liên quan nhau một chỗ không lia. Cũng chẳng phải pháp đồng thể, liền nhau, xen lẫn nhau, không lia nhau. Nhưng có tự thể riêng, không liên quan nhau. Nhưng vì keo, v.v... giữ gìn hòa hợp không lia nhau. Là tướng nhiều nhóm tụ tập, chẳng phải

một nhóm, nên biết rằng, một xứ khác không lia nhau và lia nhau.

Không lia nhau là tướng của một nhóm. Trong văn này có ba thứ không lia nhau:

1- Xứ không lia nhau như “năng tạo” đối với “sở tạo” và khác với đại, đồng với sở tạo, hoặc khác với tạo, đồng với bốn đại; hoặc đồng với tạo, đồng với bốn đại, không có khác với đại, khác với sở tạo, làm một xứ không lia.

2- Lẫn lộn nhau, không lia nhau, như pháp tư loại trong một nhóm.

3- Hòa hợp không lia nhau. Cây gai, đậu v.v... là sự gìn giữ thuộc về keo v.v....

Nói: “Lại, lẫn lộn nhau, không lia nhau, nương tựa một chỗ không lia nhau.

Không như thế thì không hợp với đạo lý, nghĩa là lấy lý mà nói, cũng có một chỗ không lia nhau, y chỉ lia nhau, không lia nhau như khác với tạo, đồng với đại. Nay, trong văn lược y cứ vào một tướng để nói, cũng có lẫn lộn nhau, không lia nhau, không nương một chỗ, không lia nhau. Như cảnh giới định, sắc không nương vào đại chủng và không có hương, vị.

Tam Tạng Pháp sư cho rằng: “Lẫn lộn nhau, không lia nhau, chỉ y cứ cực vi giả trở lên, dù nhiều cực vi, nhưng không thể dùng sự phân tích, mới nói là lẫn lộn nhau, không lia nhau, Hai cực vi ở giữ đều khác loại mà đồng chỗ, cho nên lẫn lộn mà không lia nhau tất nhiên dựa vào đồng xứ không lia nhau. Giả lập một, hai cực vi, lúc khác biệt nhau được có các vi khác loại, đồng xứ tự loại chỉ một vi, nên đồng xứ không nương tựa lẫn lộn nhau. Nếu tự loại hoặc một sắc lớn, nhỏ chẳng phải lẫn lộn nhau.”

Luận sư Trắc nói: “Ba thứ này khác nhau:

1- Đồng xứ cũng một đại tạo.

2- Lẫn lộn nhau, dù chẳng phải đồng xứ, mà là cùng một nghĩa đại tạo, được chia ra các phương. Như trong các nhóm sắc của một đại sở tạo, nghĩ định giác, phân tích có nhiều cực vi, với trú xứ đông, tây, nam, bắc đều khác mà vì trụ lẫn lộn gần, nên gọi là lẫn lộn nhau.

3- Xứ hòa hợp khác, đại cũng khác. Lại, giải thích: “Bảy pháp loại đồng xứ đều khác nhau, dù ở đồng xứ mà không lia nhau, nhưng với nghĩa không lia nhau của ba thứ này, có giải thích rằng “Tùy theo nghĩa của Kinh bộ, chứ chẳng phải nghĩa của Đại thừa.”

Có chỗ giải thích: “Là nghĩa của Đại thừa.”

Tam tạng Pháp sư nói rằng: “Là nghĩa Đại thừa, là vượt hơn. Hai hợp giải thích về pháp có kiến, vô kiến và pháp có đối, không đối, trong đó có ba: Đầu tiên giải thích có kiến, không có kiến. Kế là, giải thích môn có đối vô đối. Sau giải thích môn vô kiến, vô đối.”

Pháp sư Cảnh nói: “Rằng Tam-ma-địa có các oai đức đều có thắng giải của các sắc, đây gọi là nhân duyên: trong văn dưới đây sẽ nói là định căn bản, gọi là oai đức.

Người kia đã sinh xong, nơi chốn có thể được: Giải thích này y cứ vào nơi chốn không có kiến, không có đối, thật ra chẳng phải phương hướng nơi chốn, chỉ do người tu hành, tâm đã quán sắc, kỳ hạn ở trong một phòng màu Xanh hiển hiện. Nguyên đã nhập quán, lúc quán màu xanh, đã hiện sắc xanh đầy khắp một phòng làm duyên tăng thượng, làm cho nhãn thức của người khác ở chỗ một phòng nhìn thấy màu xanh, nên nói “Nơi chốn có thể được”.

Nói “Dù không cùng với người kia đến, “nhưng được giống như tự tánh kia thể hiện rõ ràng. Đây là giải thích sự hiển hiện. Văn này tức nói lúc tâm định đã hiện ra năm căn như nhãn v.v..., ảnh tượng của năm trần như sắc v.v..., gọi là sắc của định tự tại, tùy quán ảnh tượng của sắc nào trong mười sắc lúc hiện ra, dù chẳng phải bản chất, nhưng giống như sự thể hiện của sắc kia, đối với nhóm sắc khác, chấp nhận thọ nghiệp qua, lại v.v... “Chẳng phải chương ngại trụ” trở xuống, giải thích không có biến đổi khác. Người tu hành bấy giờ quán màu xanh trong một thất đều đầy khắp, nhưng không bỏ con người qua lại, gọi là không đối khác.”

Lại, “Chẳng phải tất cả sắc thanh tịnh, nghĩa là giải thích tên gọi không có kiến v.v... ; tay, chân v.v...” trở xuống, là giải thích không có nghĩa đối khác. Lại, định căn bản gọi là Tam-ma-địa đủ oai đức, sắc này là đối tượng duyên (sở duyên) của định kia: Đây là giải thích “sở duyên”, tức vì phương tiện vượt hơn của định căn bản, nên gọi là đủ oai đức.

“Thí như chẳng phải tất cả tâm đều có thể biến hóa” trở xuống, là nêu tâm của định căn bản, mới có thể khởi tác, hướng chi tâm của định căn bản mới có thể hiện ra sắc vô kiến kia.”

Pháp sư Thái cho rằng: “Như thần thông đã hiện ra sắc giống như mười sắc nhập v.v..., chủ yếu là định căn bản khởi, thần thông có thể sinh. Định phương tiện của các sắc vô đối, vô kiến này và tâm tán, chỉ tâm tưởng dường như có, nhưng vì hạnh quán chưa thành, nên không như định căn bản khởi lên quán này.”

Pháp sư Khuy Cơ cho rằng: “Nói: “Lại, chẳng phải tất cả sắc v.v... thanh tịnh”, nghĩa là vì sắc định này nhỏ nhiệm, nên chẳng phải đối tượng mà năm thức chứng đắc. Nhưng nếu biến chuyển để cho thọ dụng thì cũng được thấy, như cách giải thích của quyển năm mươi lăm ở trước. Ở đây có hai giải thích:

1. “Do tự tâm định thứ sáu, dẫn sinh từ sắc hữu lậu thứ tám biến hiện, để cho người khác nương gá vào đó mà thọ dụng, nên là hữu lậu. Nếu không như thế, thì vì từ đệ lục là vô lậu, làm sao khiến người khác thọ dụng?”

2. “Chính do từ thức thứ sáu làm duyên tăng thượng giúp cho người khác gá vào cũng biến thành hữu lậu, không nhờ từ thức thứ tám biến hiện, như Chư Phật há có biến chuyển, tịnh độ v.v... từ thức thứ tám?” giải thích này là hơn, vì không đồng với chỗ khác, vì tâm tán “duyên” chỉ vì cảnh của tâm định, nên gọi là không có kiến, không có đối, chứ chẳng phải người khác không thấy.

Thứ ba, là giải thích pháp hữu lậu, vô lậu, trước là nói về hữu lậu, trong đó, đầu tiên là nêu, lên năm tướng. Kế là, giải thích riêng. Sau là kết.

Y cứ trong giải thích riêng. 1- Giải thích về sự hữu lậu, nói là thanh tịnh sắc trong, nghĩa là năm căn bên trong và tướng căn ấy nương tựa hay không nương tựa sắc ngoài, nghĩa là phù căn năm trần gọi là nương tựa nhau, núi, sông v.v... bên ngoài, gọi là không nương tựa nhau.”

“Nếu các tâm nhiễm” trở xuống, là nói về pháp của ba tâm tánh. Ở đây là nêu chung năm căn, năm trần và tâm, tâm sở của ba tánh là sự hữu lậu, tùy điều kiện thích hợp với sự hữu lậu đó, do bốn nhân duyên như Tùy miên v.v..., nên gọi là hữu lậu.

2- Giải thích Tùy miên. (Nói “Nếu đối sắc thanh tịnh v.v... cho đến “Do tùy miên nên gọi là hữu lậu” đây là dựa vào môn lý tùy miên, hạt giống phiền não được huân tập ở năm căn và trong các tâm, chưa dứt trừ về trước, thường có hạt giống “hoặc”, gọi là “do tùy miên, nói là hữu lậu.”

3- Giải thích tương ưng. (“Nếu các tâm, tâm pháp nhiễm do tương ưng, gọi là hữu lậu ”. Đây là nói về tâm nhiễm ô trong tâm của ba tánh ở trước, chứ chẳng phải trực tiếp do tùy miên lậu, cũng do tương ưng với lậu, nên gọi là hữu lậu.

4- Giải thích đối tượng Duyên (sở duyên). (“Nói nếu các sự hữu, hoặc hiện lượng đã hành, tăng thượng đã khởi sở duyên của tất cả lậu như thế, nên gọi là hữu lậu”, nghĩa là trong đây lấy chung năm trần.

Dưới đây sẽ giải thích về sự “có”.

(Hiện tại có tự Thể, gọi là sự “có”, chẳng phải quá khứ, vị lai Quá khứ, vị lai là “không”, không gọi là sự “có”. Nếu dựa vào thức đã hiện hành sắc thanh tịnh, thì gọi là “sở hành” (hoạt động) của hiện lượng, chính là chấp năm trần tương ứng với phiền não, duyên với năm trần kia gọi là sở hành của hữu lậu, nên gọi là hữu lậu. Trong đây chỉ có năm trần gọi là hiển lượng thật ra ý duyên với ngũ câu cũng phải, nhưng phân biệt thì. “Sở hành” của hiện lượng, là phân biệt với pháp trần và ba tánh tâm. Như văn dưới đây cũng chấp “sở hành” là năm trần, cho nên không nêu ý căn, như các sở hành còn lại gọi là “sơ hành” phi hiện lượng, nghĩa là ý thức câu kết, vẽ với, đạt ra “duyên” năm trần, không gọi là “hành hiện lượng”. Đây là giải thích về “hành hiện lượng”.

“Nếu các xứ trong cho đến “Phải biết hữu lậu”, nghĩa là do sức tăng thượng của năm căn dẫn khởi năm trần. Năm trần là cảnh, khởi các phiền não. Đây, là do “sở duyên” hữu lậu, nên gọi là hữu lậu. “Nếu việc hiện tại chẳng phải đối tượng hoạt động (sở hành) của hiện lượng, cho đến “chẳng phải các pháp kia vì là cảnh sở hành rõ ràng này”, nghĩa là muốn nói về phiền não của ý thức. Khi lập ra “duyên” năm căn hiện tại và tám thức, ý thức tự biến chuyển giống với tướng của năm căn, giống như tướng của tám thức kia, đương tâm mà khởi. Phiền não của ý thức đối với năm căn kia, tâm của tám thức v.v... không trực tiếp “duyên” chấp mắc, nên năm căn v.v... vì không do đối tượng duyên hữu lậu, nên gọi là hữu lậu. Vì “duyên” phiền não này chỉ do tướng tự phân biệt khởi, khởi các phiền não. Các Pháp thiện này v.v... chính là về sau, do sinh khởi trở thành hữu lậu.”

(Hỏi: “Phiền não của năm thức cũng “duyên” năm trần, tướng phần của A-lại-da, không chấp mắc, chỉ “duyên” ảnh tượng năm trần của tự tâm biến chuyển khác, làm sao đối với năm trần, tướng phần của A-lại-da kia, được gọi là sở duyên của phiền não, nói là hữu lậu ư?”

(Giải thích: “Dù không “duyên” chấp mắc, nhưng vì năm thức kia không có phân biệt, nên năm trần được biến ra, gọi là bản chất kia, được gọi là cảnh giới “sở hành” rõ ràng. Làm sở duyên của lậu, gọi là hữu lậu. Nếu ý thức này do lúc “duyên” năm căn hiện tại, tám thức v.v..., câu kết, phát họa điên đảo, không xứng với bản chất kia, nên nói rằng: “Chẳng phải các pháp của năm căn kia là sự rõ ràng này.”

(“Nếu vậy, thì năm thức, bảy thức sao gọi là hữu lậu?”

(Giải thích: “Hoặc do tùy miên theo đuổi, hoặc tương ứng với hữu lậu, nói là cảnh sở hành của hữu lậu.”

5- Giải thích sinh khởi. (“Nói rằng các tùy miên cho đến “do sinh khởi, nên nói là hữu lậu”, đây là nói về phiền não của sáu thức, do ba nhân sinh khởi, nên gọi là hữu lậu. Lại, từ các quả Dị thực của tất cả phiền não bất thiện, có nghĩa là năm uẩn của căn bên trong do phiền não hữu lậu bất thiện sinh ra, nên gọi là hữu lậu. Và tăng thượng của quả Dị thực đã dẫn phát sự bên ngoài sinh khởi, nghĩa là do căn trong, nên trần ngoài sinh khởi xa từ lậu sinh, nên gọi là hữu lậu. Lại, do không có sắc của sắc vô ký trói buộc tất cả phiền não ở lậu kia tiếp tục sinh v.v..., nghĩa là do phiền não vô ký của hai cõi trên phát nghiệp, chiêu cảm sinh cõi trên, cũng gọi là sinh từ hữu lậu, gọi là hữu lậu.

Trong năm môn hữu lậu này, thứ nhất là môn chung. Thứ hai là hạt giống phiền não. Thứ ba là tâm, tâm sở nhiễm ô. Thứ tư là năm trần. Thứ năm là tất cả năm căn bên trong, tâm vô ký, thiện và ngũ nghiệp, thân nghiệp giới biệt giải thoát, khí thế giới bên ngoài đều là do phiền não dẫn phát. Hoặc ở trong đây vì chính lúc đang sinh, đã sinh, sẽ sinh v.v..., nên gọi là hữu lậu. Tất cả pháp sắc, không có sắc cũng thế, có quả Dị thực thiện cũng thế. Văn trong đây lược chỉ nói quả Dị thực bất thiện.

Kế là, giải thích vô lậu. Pháp sư Cảnh nói: “1/ Vì có các pháp lìa ràng buộc (triền), nên gọi là vô lậu, nghĩa là tất cả các sắc “sơ duyên”, “sở y” của tâm, tâm sở thiện, vô ký, nếu là các sắc sở duyên, sở y của tâm, tâm sở nhiễm, thì tức là sinh ra hữu lậu, nên gọi là hữu lậu. Vì ở đây chỉ nêu các sắc sở y duyên của tâm vô ký thiện và nhóm của tâm vô ký thiện, do lìa trần nên gọi là vô lậu. 2/ Vì tùy miên đã dứt trừ, nên gọi là vô lậu, cho đến “Nếu các pháp tâm, tâm sở thiện của thế gian”, các pháp này đều y cứ vào nghiệp thân, ngũ thiện trong thân La-hán, nên nói là các sắc tạo thiện. Lại có tự thể của nghiệp thân, ngũ của oai nghi công xảo, không thuộc về nghiệp vô ký thiện của người học phàm phu, nên nói một phần tạo sắc vô ký. Nếu các sắc uẩn vô ký của năm căn, năm trần, hoặc bốn uẩn vô ký; hoặc gia hạnh thiện của ba tuệ thế gian, sinh tâm đắc thiện và tâm sở. Các pháp như thế, đều do dứt trừ tùy miên, nên nói là vô lậu.

3/ Chấp Niết-bàn hữu lậu dứt hết.

4/ Chấp kiến đạo.

5/ Chấp tu đạo và Vô học đạo làm vô lậu.

Hai pháp trước trong năm, tùy nghĩa nói vô lậu. Ba pháp sau căn cứ ở thể để nói là vô lậu.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong giải thích năm thứ vô lậu, y cứ vào

năm nghĩa chưa hẳn gồm thu hết, tức giới v.v... biệt giải thoát thuộc vô lậu.

Thứ hai, là nói “vì tùy miên đã dứt, nên gọi là các việc thiện trong vô lậu v.v..., tức nghiệp thân, ngữ thiện và giới.

Một phần vô ký, tức nghiệp thân, ngữ vô ký của vô học. Do trong thân lậu và sức dẫn phát của vô lậu sinh, nên gọi là vô lậu, vì không chấp pháp khác, nên gọi là một phần. Các vô ký, nghĩa là bốn tâm vô ký.

Các người ở đây cũng tức năm căn, nghĩa là nếu không như thế thì chẳng phải do sức hữu lậu dẫn phát, vì chủng loại xưa, cho nên không đồng với nghiệp thân ngữ. Thứ tư, giải thích về pháp hữu tránh, vô tránh. Năm thủ uẩn, gọi là sự của pháp hữu tránh, tức nghĩa khổ vô thường trên thể của sự đã được tranh luận, trái với thường lạc, gọi là tự tánh của tranh luận. Năm thủ uẩn là pháp “có”, có thể có pháp tranh luận về vô thường, khổ v.v..., nên gọi là có pháp tranh luận. Do ái nhiễm thân mình, ham vui, chấp mắc ngoại cảnh, chiêu cảm khổ, vô thường, gọi là nhân duyên tranh luận, nếu vô thường, khổ, v.v... là tự tánh của tránh thì vô minh thường cùng có với nhân, quả của tranh luận, gọi là giúp đỡ cho cuộc tranh luận.

Về Đẳng khởi có năm thứ phẩm hắc, như văn, trong đó.

1- Nói về năm thứ phẩm hắc.

2- Nói phẩm hắc hay có năm thứ quả không an trụ. Vô tránh trái với hữu tránh, rất dễ hiểu.

Thứ năm, là giải thích về pháp hữu nhiễm, vô nhiễm. Sự hữu nhiễm, tức năm hữu thủ uẩn. Nhân duyên, nghĩa là trong đây, chính thức lấy tham tương ưng với hai thọ hỷ, Lạc, gọi là thể có nhiễm, vì hỷ, lạc kia sinh tham nhiễm, nên vị ái là tham, là nhân duyên của giúp cho tham nhiễm kia, tức là pháp tương ưng khác và cảnh giới thuận.

Tự tánh: Tức lấy hai thọ hỷ, lạc. Giúp đỡ: Tức là tham ái tương ưng với hỷ lạc.

Đẳng khởi, nghĩa là năm phẩm hắc, vô nhiễm trái với hữu nhiễm ở trước.

Thứ sáu, là giải thích dựa vào ham vui, thèm khát, dựa vào pháp xuất ly, tác ý không đúng như lý tương ưng với tà nguyện:

1. Giải thích: “Tư nhiễm là tà, vì sao Luận Tiểu thừa nói rằng, tương ưng, nghĩa là tư dứt trừ v.v..., cũng có thể tuệ nhiễm thường là dứt trừ bất chính. Chánh trí là chánh đoạn, cũng có thể lấy tác ý không đúng như lý làm tà đoạn.”

Thứ bảy là giải thích pháp thế gian, xuất thế gian. Luận sư Cảnh nói: “Bốn, tất cả tâm, tâm pháp thiện sẽ dứt trừ, đã dứt trừ: Nếu người học phàm phu sẽ dứt trừ. Nếu người học đã dứt trừ thế gian, thì tức là phân biệt tâm vô lậu, cho nên, phải nói là sẽ dứt trừ, đã dứt trừ.

Năm, “sở hành” Tam-ma-địa của tất cả thế gian, thế gian của sắc không có thấy, không có đối, nghĩa là nếu là người Nhị thừa, thì thể của sắc do tâm định của Hậu trí thể hiện là hữu lậu, gọi là thế gian. Nếu ở Thập địa và Phật, thì sắc nhất định do Hậu trí thể hiện, thật ra là vô lậu, vì đối với trí chứng, gọi là thế gian. 1/ Kiến đạo trong xuất thế. 2/ Tu đạo đều lấy trí vô phân biệt. 3/ Do chỗ giải thoát v.v... của tướng giải thoát. Tướng là danh, nghĩa là người ba thừa đã chứng lý chân như không có hý luận, nên tâm pháp tương ứng với hậu trí kia mà không chấp mắc.

Bốn, sắc vô đối, vô kiến, sở duyên kia, trí Hậu đắc của Thập địa và Phật, hiện ra thể của sắc, là vô lậu, gọi là xuất thế gian. Thể hậu trí của hàng nhị thừa dù hữu lậu, nhưng do chứng trí giúp đỡ dẫn dắt đạo, phân biệt hiện ra sắc này, cho nên, sắc này được gọi là xuất thế gian.

Năm, một phần, nghĩa là “hoặc” do kiến dứt trừ, lấy Diệt, Trạch diệt làm thể. Tất cả nghĩa là kiến, hoặc tu hoặc, lấy diệt, trạch diệt làm thể.”

Pháp sư Thái nói: “Chưa dứt trừ tùy miên, nói là sẽ dứt. Nếu đã dứt tùy miên, thì nói là đã đoạn. Tâm thiện đã thế, vô ký cũng thế. Hai quán “không” “hữu” của ba thừa, với vô ký dứt trừ tướng nhiễm ô, gọi là tướng giải thoát không có hý luận, vì tuệ chung cho hữu lậu, vô lậu, nên có sắc xuất thế gian không có kiến, không có đối của sở duyên kia.

Thứ tám, giải thích pháp đọa, phi đọa, rất dễ hiểu.

Thứ chín, là giải thích pháp hữu vi, vô vi. Văn chia làm ba:

1. Nói hữu vi.
2. Nói về vô vi.
3. Nói về bốn trường hợp diệt rồi của Niết-bàn.

Trong phần đầu, do năm tướng nên kiến lập hữu vi. Ba đời là ba. Bốn nhân duyên nối tiếp nhau, nghĩa là hạt giống. Năm quả nối tiếp nhau, nghĩa là Thức A-lại-da. Thể của quả sắc tâm còn lại là có, không chẳng nhất định. Kế là, do năm tướng lập pháp vô vi, trái với hữu vi trên, rất dễ hiểu. Thứ ba, là nói về bốn trường hợp của Niết-bàn xong.

Nói “Nếu cho rằng Niết-bàn là có khác, thì phải biết rằng, đây là các câu hỏi không đúng như lý, tức hữu vi kia về lý diệt gọi là Niết-bàn,

không được nói là khác: nếu cho rằng không khác. Nếu chấp hữu vi Niết-bàn không khác thì không đúng, vì nhiễm, tịnh đã khác, thường, vô thường khác nhau, nên “có” “không”, nghĩa là trường hợp thứ ba chấp “cũng có khác”, “cũng không có khác”.

Chẳng phải có chẳng phải không có khác, nghĩa là trường hợp thứ tư chấp chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Phải biết đều là hỏi, đáp không như lý, đây đều là phi.

“Vì sao” trở xuống, giải thích bốn trường hợp đó:

Vì Niết-bàn kia chỉ do hữu vi diệt hiển bày: đây là nói không khác. Với pháp hữu vi, thì tướng của chúng khác, nghĩa là nói chẳng phải không khác. Dựa vào hai nghĩa này là gốc. Nói lia bốn chấp, chỉ do hữu vi diệt làm rõ, nói là có khác, cho đến tức là hý luận, chẳng phải đối tượng của hý luận, nghĩa là Niết-bàn của hữu vi kia vì không nhất định tướng đó khác, nên nói Niết-bàn chẳng phải hý luận. Nay, nói nhất định khác, tức là pháp hý luận chẳng phải hý luận. Với pháp hữu vi, vì tướng của chúng khác, nên cho là không có khác, tức là hý luận, chẳng phải đối tượng của hý luận. Rất dễ hiểu.

Tóm lại, như trước đã nói, vì hai thứ nhân, nên cũng khác, không khác là không hợp lý, nghĩa là chẳng phải chấp thứ ba “do hữu vi diệt, chúng Niết-bàn nên đến “không hợp với đúng lý” nghĩa là chẳng phải chấp thứ tư. Vì ông chấp Niết-bàn đều không có sở hữu, nên nói là “chẳng phải có khác” “chẳng phải không khác”, tức là chê bai “không “ không hợp với đạo lý.

Dưới đây, là giải thích nghĩa Niết-bàn. Nghĩa Niết-bàn, nghĩa là tất cả vì pháp bạch đã phát rõ ràng, tức do pháp bạch của đạo để phát huy rạng rỡ là nghĩa Niết-bàn. Tướng Niết-bàn, nghĩa là cho đến tướng sở chứng bên trong: chứng vắng lặng bên trong không có tướng hý luận là tướng Niết-bàn.

Thứ mười, giải thích pháp sở duyên (đối tượng duyên) trong đó trước nêu. Chung, gạn hỏi năm tướng. Sau, giải thích riêng theo thứ lớp. Trong giải thích riêng có hai

- 1) Giải thích bốn tướng trước.
- 2) Giải thích tướng thứ năm.

Trong phần trước, lại có hai: Trước chính là nói về sở duyên (đối tượng duyên). Sau, nhân luận, sinh luận, giải thích kế kinh.

Trong phần trước, nói “Cõi Dục trói buộc tác ý thiện, nhiễm, vô ký, chủ thể “duyên” tất cả pháp v.v... của ba cõi. Luận sư Cảnh nói: “Vô ký tức lấy Lại-da “duyên” hạt giống của ba cõi, vô ký “duyên” pháp

của ba cõi, nghĩa là thuộc về sở duyên, (đối tượng duyên) của hành giả. Cõi Sắc trói buộc tác ý thiện, cũng “duyên” tất cả pháp của ba cõi, giản lượt không nói cõi Sắc. Tác ý vô ký của A-lại-da thức “duyên” hạt giống của ba cõi.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tâm thiện trong đây rất dễ hiểu. Nhiệm ô: Tức gồm nói Hữu Phú vô ký”.

(Hỏi: “Hữu Phú “duyên” ba cõi ra sao?”

(Đáp: “Hữu phú của cõi Dục chỉ thân, biên câu sinh, chỉ ở ý thức thứ sáu, như văn luận quán ba cõi là một, đồng một loại v.v.... Vì là ngã nên pháp khác không có khả năng này. Lại, không có tâm hữu phú “duyên”.

Vô ký “duyên” ba cõi: Tức tâm Dị thực sinh, độc đầu khởi: Và “duyên” Đăng lưu dẫn sinh, sau của tâm oai Nghi công xảo, cũng gọi là tâm oai nghi, tâm công xảo duyên “duyên” rộng khắp, không mông cầu, không nhiệm. Lại, thức thứ tám cũng là “duyên” pháp hạt giống của ba cõi.

Nói “Tác ý thiện của cõi Sắc “duyên” với pháp ba cõi: Trong đây nên nói là vô ký của tâm nhiệm, cũng tức tâm nhiệm, vì sao quyển năm mươi chín nói: “Cõi Sắc đối với hành phiền não cõi Dục, nghĩa là cõi trên duyên phiền não và “duyên” mạn của cõi dưới. Và, như quyển sáu ở trước nói: “Ta thấy sắc vì nhỏ nhiệm và, tâm vô ký Dị thực sinh, lược qua không nói.

“Trong cõi Vô Sắc” trở xuống: Luận sư Cảnh nói: “Phàm phu của cõi Vô Sắc; định thiện của ngoại đạo và tâm sinh đắc, chỉ “duyên” Địa mình. Nếu Bồ-tát mới phát tâm, tu riêng trí tuệ, gọi là Bồ-tát Tỳ-bà-xá-na. Lại, có Thanh văn học rộng, nghe nhiều, gọi là tuệ rộng, có cả hữu học, Vô học. Những vì này lìa dục của hai cõi dưới, được sinh Vô Sắc. Tác ý của Vô Sắc có thể “duyên” tất cả Pháp của địc dưới. Văn này nói rõ rằng, cõi Vô Sắc “duyên” khéo tất cả pháp của cõi dưới. Pháp sư Thái nói: “Đại Bồ-tát Địa trở xuống, vì chưa có thể làm lợi ích chúng sinh một cách sâu rộng, nên có vị sinh lên cõi Vô Sắc, nhưng trong đó, tu tuệ riêng, “duyên” tất cả pháp của cõi dưới. Nếu Thanh văn tu tuệ rộng, có cả Hữu học, Vô học, sinh lên cõi Vô Sắc, cũng “duyên” địa dưới. Nếu người tu tuệ rộng của địa dưới, thì đồng với phàm phu không “duyên” địa dưới. Bồ-tát Sơ địa trở lên, gọi là được tự tại, không sinh Vô Sắc”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Bồ-tát Tỳ-Bát-Xá-Na trong đây, gọi là địa tiền, cũng “duyên” địa dưới, nghĩa là vì nói là tâm thiện không kể

cùng cực, nên được “duyên” địa dưới. Không nói “duyên” địa trên, vì sinh cõi trên. Như Hữu học, chỉ vì quán đế lý, không dùng sáu hạnh ưa thích cõi trên, cho nên lược qua mà không luận đến Bồ-tát, mà theo đa số Thanh văn để luận, cũng không nói sự thật được “duyên” địa dưới, trong đây không luận. Các tâm nhiệm này lẽ ra cũng nghiên cứu để hỏi. Lại, phàm phu của xứ kia cũng không nói và đều không nói “duyên” vô lậu, vì giới là pháp. Dưới đây, trong nhân luận sinh luận, giải thích nghĩa kinh, đầu tiên, là dẫn tụng để hỏi. (Sau, là đối với câu hỏi để giải thích:

Nói “Nhân sở duyên của tư. Nghĩa là nhân sở duyên của tác ý tư duy thiện v.v... có thể giải thích bài tụng này. Lại, giải thích: “Nhân tư duy về sở duyên của hai chấp Nhân, pháp nên nói bài tụng này, gọi là phản ánh đối với tất cả v.v...”

Luận sư Cảnh nói: “Danh có hai thứ:

1) Danh của bốn uẩn, do tâm của bốn uẩn chấp có Nhân, pháp, chấp khắp đối tượng chấp, có thể phản ánh tất cả lý của hai vô ngã, nên nói rằng: “phản ánh đối với tất cả”.

2) Nói là chúng sinh không có trí. Tìm kiếm ngôn thuyết, gọi là chấp có nhân, pháp, nhóm họp thành sinh tử, nên nói là phản ánh với tất cả. Danh không có lỗi, nghĩa là do một pháp của danh này đều theo hành tự tại, có thể do chúng sinh chấp chặt một danh, khiến cho pháp tạp nhiễm tự tại tùy hành. Nếu tổ ngộ lỗi tập khởi của danh này, thì phát ra pháp tịnh quan trọng, cũng tự tại tùy hành”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “1) Danh từ bốn uẩn tức là ở dưới nói do quán biết nên dứt trừ trừ người, pháp. 2/ Danh từ tên gọi tức ở dưới nói biết tên gọi này nên trừ pháp chấp. Nói danh từ bốn uẩn có công năng “duyên” khắp tất cả, sinh khởi khắp tất cả, pháp, nên gọi là phản ánh tất cả, ý nói danh ngôn có thể phản ánh tất cả, danh ngôn có công năng gọi khắp tất cả danh, phản ánh tất cả.

Y cứ trong đối với câu hỏi giải thích, được chia làm hai: Đầu tiên, chính là giải thích bài tụng của kinh; sau, dẫn thuyết để chứng minh lại.

Trong phần trước chép: “Nếu nói tóm lược nhân thanh tịnh, nên bình đẳng. Pháp sư Cảnh nói: “Nếu hiểu rõ hai danh sanh, khởi các tai hại lỗi lầm, tức là chứng nhập đạo lý “hai không” gọi là nhân thanh tịnh. Quán sát hai danh, khéo biết tự tướng, nghĩa là dùng bốn uẩn, và âm thanh làm tánh, gọi là quán tự tướng. Mê chấp hai danh, khởi rộng phiền não, phát nghiệp được quả báo, gọi là nhân tạp nhiễm. Do quán

nhân này, nên gọi là quán nhân tạp nhiễm.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vì quán sát nhân thanh tịnh, tức dưới đây nói: “duyên” danh ấy nên rất dễ hiểu được các nhân vô ngã, vì làm sáng tỏ lý kia, nên gọi là nhân thanh tịnh. Quán sát tự tướng: tức dưới đây nói: “Vì duyên” hai thứ danh, nên tướng ngã không thể được, chính là tướng phần của hai chấp.

Nay, biết sự kia, quán sát nhân nhiễm, tức dưới đây nói” không khéo biết rõ”. Danh ấy tức nhiễm ô sinh khởi, tức là vì kiến phần kia sinh khởi, nên tất cả pháp sinh.

Lại giải thích: “Nói hai thứ danh, vì có ba nghĩa, nên gọi là phản ảnh tất cả:

- 1) Quán danh này, nghĩa là được thanh tịnh, là nhân của tịnh kia.
- 2) Biết hai danh, “duyên” Tất cả pháp của mình.
- 3) Biết hai danh là pháp nhiễm. Vì ba nghĩa này, gọi là phản ảnh tất cả.

Nói “Trong đây chỉ rõ Bồ-Đặc-già-la Vô. Ngã, nghĩa là bình đẳng v.v... Pháp sư Thái nói: “ Vì phần nhiều chấp bốn uẩn làm ngã, nên nói riêng lượng rằng: Nói là rất dễ hiểu rõ do tên của bốn uẩn, chấp giả dối Thân ngã vốn không có tánh, chỉ ở trong các cảnh như sắc v.v... khởi chấp so đo giả dối, nên nói “dứt trừ tất cả tướng của tự cảnh giới”, cho nên nói là phản ảnh tất cả.

Lại, nhân ngôn thuyết, gọi là chấp các pháp, khiến tỏ ngộ danh này chỉ là giả lập, không có pháp thật riêng, nhập vào “pháp vô ngã”. Đây là giải thích câu đầu.

Nói “Nếu quá khứ như thế cho đến” cũng không thể được, nghĩa là giải thích câu thứ hai.

“ Nếu đối với danh này cho đến” sinh khởi tùy chuyển”, là giải thích chung.

“Nếu không khéo biết rõ hai danh,” nghĩa là với cảnh, khởi chấp hai Trần Nhân, pháp sinh tử tạp nhiễm, sinh khởi tùy chuyển.

“ Tất cả cảnh tướng và các tạp nhiễm đều do năng lực tăng thượng kia sinh ra “Nghĩa là cảnh giới hai trần Nhân, pháp và, với sinh tử tạp nhiễm, đều nhân sức tăng thượng của hai danh mà khởi. Đây là giải thích hai câu sau. Dưới đây sẽ dẫn thuyết để chứng minh lần nữa.

Nói “Dựa vào mật ý này để nói lên lời này”. Nghĩa là dựa vào mật ý của bài tụng trên, để nói bài tụng sau đây.

“Vì chấp tự tánh pháp, nên chấp tánh ngã mà chuyển”, nghĩa là do chấp pháp có, nêu chấp ngã mới sinh.

“Vì Giác biết đây, nên giác biết kia, “Nghĩa là vì giác biết “ pháp không này, nên giác biết Nhân không kia. Cũng do Giác biết hai trần nhân, pháp này là “không” nên lại diệt hạt giống của hai chấp.

Trên đây, là giải thích bốn tướng trước đã xong. Dưới đây, sẽ giải thích tướng thứ năm, hệ thuộc “sở duyên” của Tác ý Du-già, trong đó. 1) Nêu chung, bày danh, chỉ ra như Địa Thanh văn để nói. 2) Theo vấn nạn để giải thích lại, được chia làm hai: Đầu tiên, nêu chung “ sở duyên” của “hoặc” tịnh: Sau, là nói riêng.

Trong phần trước nói bốn Thánh đế và Chân Như: vì rộng nên bốn đế; vì lược, nên chân như.
